

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Bảo đảm An toàn Hàng hải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN MẠNH CUÔNG.

2. Ngày tháng năm sinh: 23/12/1963; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thái Thành, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 06, Ngõ phụ 12, Ngõ 38, Phố An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện: Số nhà 06, Ngõ phụ 12, Ngõ 38, Phố An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0904 104 179;

E-mail: nmcuong@vimaru.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1988 đến năm 2004: Giảng viên Khoa Hàng hải – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ năm 2004 đến năm 2006: Phó trưởng Khoa Hàng hải – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ năm 2006 đến năm 2015: Giám đốc Công ty VTB Thăng Long, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Công ty VTB và XKLD – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ năm 2015 đến năm nay: Trưởng Khoa Hàng hải – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa/Bí thư Đảng bộ Khoa Hàng hải; Chức vụ cao nhất đã qua Tổng Giám đốc Công ty VTB và XKLD – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hàng hải – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Số 484 Lạch Tray, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: 02253735931/3829109

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm ... Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 17 tháng 10 năm 1991, ngành: Khoa học Hàng hải, chuyên ngành: Điều khiển tàu biển.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 12 năm 1999, ngành: Khoa học Hàng hải, chuyên ngành: Bảo đảm An toàn Hàng hải.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo – Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 9 năm 2009, chuyên ngành: Phân tích hệ thống, điều khiển và xử lý số liệu.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Khoa học – Cộng hòa Liên bang Nga.

Đã được Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo Công nhận văn bằng, vào sổ đăng ký số 008348/CNVB-TS ngày 21 tháng 01 năm 2019.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông Vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- An toàn, an ninh Hàng hải và đào tạo huấn luyện Hàng hải;
- Tối ưu hóa và ứng dụng công nghệ trong điều khiển tàu biển;
- Đảm bảo an ninh môi trường trong hoạt động Hàng hải.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **06 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **chủ nhiệm 05 đề tài NCKH cấp Trường;**
- Đã công bố (số lượng) **31 bài báo KH**, trong đó là **tác giả chính của 05 bài báo KH được đăng trên tạp chí SCOPUS (04 bài Q2, Q3)**; 02 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín; 18 bài báo KH được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước, 04 kỷ yếu hội thảo quốc tế.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng **sách đã xuất bản 03**, trong đó 03 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với tư cách là một nhà giáo, ứng viên có thâm niên 23 năm giảng dạy tại trường Đại học Hàng Hải Việt Nam. Ứng viên nhận thấy bản thân:

- Có phẩm chất đạo đức và tư tưởng vững vàng. Có đủ trình độ chuyên môn, được đào tạo bài bản, có nghiệp vụ sư phạm tốt đối với giảng viên Đại học.

- Lý lịch gia đình và bản thân rõ ràng.

- Thực hiện đầy đủ và đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục đại học, sau đại học do Nhà trường giao. Ứng viên luôn cố gắng hoàn thiện về chương trình đào tạo cho chuyên ngành Điều khiển tàu biển, Luật Hàng hải; tổ chức giảng dạy và thực hiện trên lớp. Ứng viên tham gia đào tạo cả đại học và cao học và là nhà giáo có uy tín cao; ứng viên cũng làm công tác quản lý và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với chức vụ Trưởng Khoa Hàng hải.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của Nhà giáo, các quy định của pháp luật cũng như của Nhà trường đề ra.

- Giữ gìn tốt phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

- Ứng viên đã hoàn thành nhiều đề tài, công trình khoa học đóng góp trực tiếp vào hoạt động khai thác tàu của các công ty đặc biệt liên quan đến lĩnh vực khoa học hàng hải. Là

nhà khoa học, chuyên gia có kiến thức thực tế, năng lực làm việc thông qua các hoạt động kinh doanh, sản xuất và có uy tín trong ngành.

- Đảm bảo đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Thâm niên công tác của ứng viên là 32 năm, trong đó 23 năm là giảng viên và 9 năm quản lý Công ty trực thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (tháng 10/ 2006 - tháng 3/2015).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2004-2005	0	0	0	0	285	0	285/342/210
2	2015-2016	0	0	01	0	60	150	210/341/189
3	2016-2017	0	0	01	0	180	120	300/436/189
3 năm học cuối								
4	2017-2018	0	0	01	02	150	90	240/392/189
5	2018-2019	0	0	01	0	210	120	330/464/189
6	2019-2020	0	0	01	02	165	90	255/390/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Thành thạo

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Cộng hòa Liên bang Nga năm 2009.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ C Cấp năm 1993

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Văn Kiệt		HVCH	x		Từ 10/2010 đến 9/2012	Đại học Hàng hải VN	27-12-2012 Số bằng: 994
2	Đoàn Ngọc Nam		HVCH	x		Từ 4/2014 đến 9/2014	Đại học Hàng hải VN	19-12-2014 Số bằng: 1532
3	Trần Anh Việt		HVCH	x		Từ 2/2015 đến 10/2015	Đại học Hàng hải VN	05-08-2016 Số bằng: 1975
4	Trần Xuân Tá		HVCH	x		Từ 3/2017 đến 10/2017	Đại học Hàng hải VN	15-08-2018 Số bằng: 3145
5	Võ Tiến Công		HVCH	x		Từ 10/2017 đến 5/2018	Đại học Hàng hải VN	15-08-2018 Số bằng: 3166
6	Đỗ Đức Thuận		HVCH	x		Từ 08/10/2018 đến 12/2019	Đại học Hàng hải VN	03-01-2020 Số bằng: 3678

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ							
1	Chính sách biển và Đại Dương	GT	Nhà xuất bản Hàng hải 2020	03	Chủ biên	9-120	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam
2	Nghiệp vụ khai thác tàu Container	GT	Nhà xuất bản Hàng hải 2020	02	Chủ biên	40-178	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam
3	Luật Hàng hải và các Công ước Quốc tế về hàng hải	GT	Nhà xuất bản Hàng hải 2020	04	Chủ biên	9-70, 94-119	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

.....

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ					
1	ĐT: Nghiên cứu giải pháp đảm bảo tính thực chất và hiệu quả của công tác đào tạo, huấn luyện trên biển nhằm giảm thiểu tai nạn lao động cho thuyền viên	CN	CS	Số: 2832/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 15/10/2015	Số: 923/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 17/05/2016, Biên bản nghiệm thu ngày 02/6/2016 Xuất sắc
2	ĐT: Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện phương án xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Điều khiển tàu biển theo định hướng thời gian đào tạo 4 năm	CN	CS	Số: 2157/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 12/10/2016	Số: 880/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 18/05/2017, Biên bản nghiệm thu ngày 20/6/2017 Xuất sắc
3	ĐT: Nghiên cứu việc áp dụng tập quán và thông lệ quốc tế đối với một số loại Hợp đồng trong hàng hải ở Việt Nam.	CN	CS	Số: 1853/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 16/10/2017	Số: 839/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 14/05/2018, Biên bản nghiệm thu ngày 21/6/2018 Xuất sắc
4	ĐT: Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển Chương trình hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành đi biển tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thông qua hợp tác quốc tế từ cấp Khoa.	CN	CS	Số: 2142/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 06/11/2018	Số: 878/QĐ-ĐHHHVN-KHCN ngày 21/05/2019, Biên bản nghiệm thu ngày 18/6/2019 Xuất sắc
5	ĐT: Nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện và đảm bảo hiệu quả Chương trình Hợp tác về học bổng, thực tập sinh cho sinh viên ngành đi biển của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam do Khoa chuyên môn trực tiếp quản lý	CN	CS	Số: 1992/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 11/11/2019	Số: 814/QĐ-ĐHHHVN-KHCN Ngày 29/06/2020, Biên bản nghiệm thu ngày 29/6/2020,

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ								
1	Непараметрическая идентификация линейных объектов управления в пртсутствии помех	2	x				cc.196	2005
2	Improvement Awareness of Maritime Security for the Seafarers in Education and Training	1	x	The Asia Maritime & Fisheries University Forum 2006			November 9-11, 2006, pp. 83-95	2006
3	Идентификация нелинейных систем и некорректные задачи	4		Системы управления и информационные технологии /1729-5068			Номер 2.1.(28.)- 2007. стр.148-150.	2007
SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ								
4	Tầm quan trọng của công tác đào tạo, huấn luyện trên biển đối với đảm bảo an toàn cho thuyền viên	1	x	Proceedings The International Conference on Marine Science and Technology 2016/978-604-937-127-1			Session On Navigation, pp. 1-7	2016

5	Present State of Ocean Observations and Service in Vietnam	3		Vietnam Journal of Marine Science and Technology/1859-3097			Vol. 15, No. 4, 309-319	2015
6	Tính toán mô phỏng và đề xuất giải pháp giảm thiểu hiện tượng xâm thực tại mép thoát bánh lái tàu thủy	4		Proceedings The International Conference on Marine Science and Technology 2016/978-604-937-127-1			Session On Navigation, pp. 8-13	2016
7	Vai trò của Công ước CLC với chế độ trách nhiệm pháp lý quốc gia về bồi thường thiệt hại ô nhiễm dầu tàu	4		Tạp chí Giao thông Vận tải/2354-0818			Số 10/2017, 154-156	2017
8	Artificial Neural Network Controller for Automatic Ship Berthing Using Head-up Coordinate System	2	x	18th Annual General Assembly 2017 International Association of Maritime Universities (IAMU)/978-954-8991-00-1			125-136	2017
9	Đánh giá nguy cơ tràn dầu và nâng cao khả năng ứng cứu tràn dầu trên vùng biển Việt Nam			Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 49- tháng 01/2017, 73-78	2017
10	Tình hình tham gia các công ước quốc tế về ô nhiễm dầu và các chất nguy hiểm độc hại trên biển của Việt Nam	3	x	Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 50- tháng 04/2017, 57-61	2017
11	Tổng quan về sự cố tràn các chất nguy hiểm và độc hại trên biển - cơ sở pháp lý của Việt Nam	3		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 51- tháng 08/2017, 14-19	2017

12	Bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc trong việc bồi thường thiệt hại ô nhiễm dầu tàu	3		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 52- tháng 11/2017, 72-75	2017
13	Estimating requirement of marine oil spill recovery capability considering oil group and season condition in Vietnam	2		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 53- tháng 01/2018, 60-64	2018
14	Lập tuyến đường tránh va cho tàu biển áp dụng thuật toán Floyd -Collision	3		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 54- tháng 04/2018, 25-28	2018
15	Ước tính yêu cầu chiều dài phao quây dầu trong ứng phó tràn dầu trên các vùng biển Việt Nam	3		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 55- tháng 08/2018, 3-7	2018
16	Distribution of oil spill response capability through considering probable incident, environmental sensitivity and geographical weather in Vietnamese waters	4		Journal of International Maritime Safety, Environmental Affairs, and Shipping/2572-5084			2:1, 31-41	2018
17	The adoption of collision risk assessment employing fuzzy evaluation method	4		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 56- tháng 11/2018, 12-16	2018
18	Impact Of Piracy on Maritime Transport and Technical Solutions for Prevention	2	x	International Journal of Civil Engineering and Technology /0976-6308	SCOPUS (0.29/Q2)	3	10:01, pp. 958-969	2019

19	Nghiên cứu về các khóa đào tạo và huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu trên biển: đề xuất áp dụng tại Việt Nam	2		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 59- tháng 08/2019, 96-101	2019
20	Giải pháp hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành đi biển bằng chương trình hợp tác học bổng, thực tập sinh từ cấp khoa	1	x	Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 59- tháng 08/2019, 120-124	2019
21	Lựa chọn thay thế tuân thủ ngưỡng lưu huỳnh toàn cầu 2020	2		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 62- tháng 04/2020, 78-83	2020
22	Applying Simplex Algorithm for Ship's Motion Simulation Optimization by Using Maneuvering Tests Data	2	x	International Journal on Advanced Science Engineering Information Technology/ 2088-5334	SCOPUS (0.27/Q2)	-	Vol.10, No.2, 491-500	2020
23	Sea Navigation-based Thai Canal Implication: An Analysis of Its Effect on the Vietnamese Maritime Industry	2	x	Australian Journal of Maritime & Ocean Affairs/ 1836-6503	SCOPUS (CiteScore 2019: 0.7)		Vol.12, issue 1, 83-94	2020
24	The MRAC based - adaptive control system for controlling the speed of direct current motor	3	x	Indonesian Journal of Electrical Engineering and Computer Science/ 2502-4752	SCOPUS (0.21/Q3)	-	Vol.19, No.2, pp.723-728	2020
25	The optimal control system of the ship based on the linear quadratic regular algorithm	2	x	International Journal of Electrical and Computer Engineering (IJECE)/ 2088-8708	SCOPUS (0.32/Q2)	-	Vol. 10, No. 5, October 2020, pp. 4562~4568	2020

26	Triển khai các dịch vụ hàng hải theo E-navigation: Mô tả về dịch vụ lai đất và hoa tiêu hàng hải	1	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Giao thông vận tải / 1859-4263			Số 36, 5/2020, 67-71	2020
27	Mô tả dịch vụ tìm kiếm cứu nạn trong thế giới số	1	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Giao thông vận tải / 1859-4263			Số 36, 5/2020, 62-66	2020
28	Giả lập dữ liệu máy thu GPS cho hải đồ điện tử Navi-Sailor 4000	2		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 63- tháng 08/2020	2020
29	Giải pháp nhằm hoàn thiện chương trình hợp tác học bổng, thực tập sinh cho sinh viên khối đi biển do khoa chuyên môn trực tiếp quản lý	1	x	Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 63- tháng 08/2020	2020
30	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về đảm bảo an ninh môi trường biển Việt Nam	2	x	Tạp chí Khoa học – Công nghệ Hàng hải/1859-316X			Số 64- tháng 11/2020	2020
31	An Analysis of Available Solutions for Commercial Vessels to Comply with IMO Strategy on Low Sulphur	2	x	Journal of International Maritime Safety, Environmental Affairs, and Shipping/2572-5084		-	Vol. 4 Issue 2, 40-47	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: trong đó là **tác giả chính của 05 bài báo KH được đăng trên tạp chí SCOPUS (04 bài Q2, Q3)**; 02 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín; 03 bài báo đăng trên ký yếu hội thảo quốc tế và 18 bài báo KH đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, ứng viên đã chủ trì và tham gia xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo sau:

- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo ngành Điều khiển Tàu biển;
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành Luật Hàng hải.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ứng viên cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Mạnh Cường